

Số: 2050/2021/QĐST-HNGĐ *Thành phố Thủ Đức, ngày 15 tháng 11 năm 2021*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ khoản 5 Điều 211, Điều 212 và Điều 213, Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 55; Điều 57; Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 110, Điều 116 và Điều 117 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 38/2017 ngày 08 tháng 9 năm 2017 của Ủy ban nhân dân xã M, huyện B, tỉnh Bến Tre.

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ hồ sơ việc dân sự thụ lý số 1149/2021/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 10 năm 2021 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn” gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu: Ông Bùi Đức L, sinh năm 1979

Địa chỉ: đường T, phường H, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh

Người yêu cầu: Bà Trần Thị Lệ M, sinh năm 1987

Địa chỉ: đường T, phường H, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tại Biên bản ghi nhận sự hòa giải đoàn tụ không thành và sự thỏa thuận của các đương sự ngày 05 tháng 11 năm 2021, ông Bùi Đức L, sinh năm 1979 và bà Trần Thị Lệ M, sinh năm 1987 thỏa thuận: Về quan hệ hôn nhân, ông Bùi Đức L và bà Trần Thị Lệ M thuận tình ly hôn; Về con chung: Không có. Về tài sản chung, nợ chung: không có; Lệ phí sơ thẩm giải quyết yêu cầu về hôn nhân gia đình là 300.000đồng, ông Bùi Đức L và bà Trần Thị Lệ M chịu.

[2] Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự hòa giải đoàn tụ không thành và sự thỏa thuận của

các đương sự ngày 05 tháng 11 năm 2021 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản ghi nhận sự hoà giải đoàn tụ không thành và sự thoả thuận của các đương sự, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận giữa các đương sự, cụ thể như sau:

1.1 Về quan hệ hôn nhân: Ông Bùi Đức L, sinh năm 1979 và bà Trần Thị Lệ M, sinh năm 1987 thuận tình ly hôn.

1.2. Về con chung: Không có

1.3 Tài sản chung, nợ chung: Không có

2. Lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000 (ba trăm ngàn) đồng ông Bùi Đức L và bà Trần Thị Lệ M chịu, được căn trừ vào 300.000 đồng ông L, bà M đã nộp theo Biên lai thu số 0024132 ngày 12/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Thủ Đức (nay là thành phố Thủ Đức), ông L, bà M đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Thủ Đức;
- Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức;
- Ủy ban nhân dân xã M, huyện B, tỉnh Bến Tre;
- Lưu: hồ sơ.

THẨM PHÁN

(đã ký)

Trần Thị Thanh